

DANH MỤC VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU TỪ ẤN ĐỘ

(Danh mục này sẽ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung theo quy định)

1. Cây và các bộ phận còn sống của cây

1.1. Hạt giống cây trồng

Stt	Tên vật thể	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Bầu	<i>Lagenaria leucantha</i> var. <i>gourdo</i>	x	
2.	Bầu	<i>Lagenaria siceraria</i>	x	
3.	Bí đao	<i>Benincasa cerifera</i>	x	
4.	Bí đao	<i>Benincasa hispida</i>	x	
5.	Bí đỏ	<i>Cucurbita maxima</i>	x	
6.	Bí đỏ	<i>Cucurbita moschata</i>	x	
7.	Bí đỏ	<i>Cucurbita pepo</i>	x	
8.	Bí rợ	<i>Cucurbita maxima</i>	x	
9.	Cà chua	<i>Solanum lycopersicum</i>	x	
10.	Cà pháo	<i>Solanum macrocarpon</i>	x	
11.	Cà rốt	<i>Daucua carota</i>	x	
12.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i>	x	
13.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i> var. <i>esculentum</i>	x	
14.	Cải	<i>Brassica pekisensis</i>	x	
15.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i>	x	
16.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea botrytis</i>	x	
17.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>capitata</i>	x	
18.	Cải bắp brussels	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>gemmifera</i>	x	
19.	Cải bẹ dưa	<i>Brassica sinensis</i>	x	
20.	Cải bẹ xanh	<i>Brassica rapa</i>	x	
21.	Cải bó xôi	<i>Spinacia oleracea</i>	x	
22.	Cải củ	<i>Raphanus sativus</i>	x	
23.	Cải củ Chard	<i>Beta vulgaris</i> subsp. <i>cicla</i>	x	
24.	Cải củ Nabo Navet turnip	<i>Brassica rapa</i> var. <i>rapa</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
25.	Cải củ trắng	<i>Raphanus campestris</i>	x	
26.	Cải cúc	<i>Chrysanthemum coronarium</i>	x	
27.	Cải ngọt	<i>Brassica rapa var. chinensis</i>	x	
28.	Cải ngọt	<i>Brassica integrifolia</i>	x	
29.	Cải ngọt	<i>Brassica rapa</i>	x	
30.	Cải ngọt	<i>Brassica rapa ssp. oleifera</i>	x	
31.	Cải ngọt	<i>Brassica sinensis</i>	x	
32.	Cải sậy	<i>Brassica juncea</i>	x	
33.	Cải thảo	<i>Brassica campestris</i>	x	
34.	Cải thảo	<i>Brassica rapa subsp. chinensis</i>	x	
35.	Cải thìa	<i>Brassica chinensis</i>	x	
36.	Cải thìa	<i>Brassica sinensis</i>	x	
37.	Cải xanh	<i>Brassica campestris subsp. chinensis</i>	x	
38.	Cải xanh mở	<i>Brassica juncea subsp. chinensis</i>	x	
39.	Cần	<i>Apium graveolens</i>	x	
40.	Củ dền	<i>Beta vulgaris</i>	x	
41.	Củ dền đỏ	<i>Beta vulgaris var. esculenta</i>	x	
42.	Cúc tần	<i>Chrysanthemum coronarium</i>	x	
43.	Đậu bắp	<i>Abelmoschus esculentus</i>	x	
44.	Đậu bắp	<i>Hibiscus esculentus</i>	x	
45.	Đậu cô ve	<i>Phaseolus vulgaris</i>	x	
46.	Đậu đũa	<i>Vigna sesquipedalis</i>	x	
47.	Đậu đũa	<i>Vigna sinensis</i>	x	
48.	Đậu Hà Lan	<i>Pisum sativum</i>	x	
49.	Đậu rồng	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i>	x	
50.	Đậu triều	<i>Cajanus cajan</i>	x	
51.	Đậu tương	<i>Glycine max</i>	x	
52.	Đậu xanh	<i>Phaseolus aureus</i>	x	
53.	Đậu xanh	<i>Vigna radiata</i>	x	
54.	Đu Đủ	<i>Carica papaya</i>	x	
55.	Dưa	<i>Cucumis melon</i>	x	
56.	Dưa chuột	<i>Cucumis sativus</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
57.	Dưa hấu	<i>Citrullus lanatus</i>	x	
58.	Dưa hấu	<i>Citrullus vulgaris</i>	x	
59.	Hành lá	<i>Allium fistulosum</i>	x	
60.	Hành tây	<i>Allium cepa</i>	x	
61.	Hoa Bắp cải	<i>Brassica oleracea</i>	x	
62.	Hoa Cẩm chướng	<i>Dianthus caryophyllus</i>	x	
63.	Hoa Cát tường	<i>Eustoma russellianum</i>	x	
64.	Hoa Cúc	<i>Chrysanthemum indicum</i>	x	
65.	Hoa Cúc Ngũ sắc	<i>Zinnia elegans</i>	x	
66.	Hoa Cúc sao nhái	<i>Cosmos bipinnatus</i>	x	
67.	Hoa Cúc Thúy	<i>Callistephus chinensis</i>	x	
68.	Hoa Cúc vạn thọ	<i>Calendula officinalis</i>	x	
69.	Hoa Cúc vạn thọ	<i>Tagetes erecta</i>	x	
70.	Hoa Cúc vạn thọ	<i>Tagetes patula</i>	x	
71.	Hoa Dạ yến thảo	<i>Petunia multiflora</i>	x	
72.	Hoa Hướng dương	<i>Helianthus annuus</i>	x	
73.	Hoa Mãn đình hồng	<i>Althaea rosea</i>	x	
74.	Hoa Mạn trường xuân	<i>Catharanthus spp.</i>	x	
75.	Hoa Mào gà	<i>Celosia argentea</i>	x	
76.	Hoa Mỡ chó	<i>Antirrhinum majus</i>	x	
77.	Hoa Thu hải đường	<i>Begonia spp.</i>	x	
78.	Hoa Thược dược	<i>Dahlia variabilis</i>	x	
79.	Hoa Viola	<i>Viola hybrid</i>	x	
80.	Hoa Xác pháo	<i>Salvia splendens</i>	x	
81.	Lạc	<i>Arachis hypogaea</i>	x	
82.	Lúa	<i>Oryza sativa</i>	x	
83.	Mồng tơi	<i>Basella rubra</i>	x	
84.	Mồng tơi	<i>Baselle alba</i>	x	
85.	Mướp	<i>Luffa cylindrica</i>	x	
86.	Mướp đắng	<i>Momordica balsamica</i>	x	
87.	Mướp đắng	<i>Momordica charantia</i>	x	
88.	Mướp hương	<i>Luffa aegyptiaca</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
89.	Murop khía	<i>Angled luffa</i>	x	
90.	Murop khía	<i>Luffa acutangula</i>	x	
91.	Ngân hoa	<i>Grevillea robusta</i>	x	
92.	Nghệ	<i>Curcuma longa</i>	x	
93.	Ngô	<i>Zea mays</i>	x	
94.	Ớt	<i>Capsicum annuum</i>	x	
95.	Ớt	<i>Capsicum frutescens</i>	x	
96.	Ớt ngọt	<i>Capsicum longum</i>	x	
97.	Rau đay	<i>Corchorus spp.</i>	x	
98.	Rau dền	<i>Amaranthus tricolor</i>	x	
99.	Rau dền	<i>Beetroot hybrids</i>	x	
100.	Rau húng quế	<i>Ocimum basilicum</i>	x	
101.	Rau mùi	<i>Coriandrum sativum</i>	x	
102.	Rau mùi tàu	<i>Eryngium foetidum</i>	x	
103.	Rau mùi tàu	<i>Petroselinum melongena</i>	x	
104.	Rau mùi xoăn	<i>Petroselinum crispum</i>	x	
105.	Rau muống	<i>Ipomoea aquatica</i>	x	
106.	Su hào	<i>Brassica oleracea var. gongyloides</i>	x	
107.	Su hào	<i>Brassica caulorapa</i>	x	
108.	Su hào	<i>Brassica oleracea</i>	x	
109.	Su hào	<i>Brassica oleracea acephata</i>	x	
110.	Su hào	<i>Brassica oleracea var. gongyloides</i>	x	
111.	Súp lơ	<i>Brassica oleracea var. botrytis</i>	x	
112.	Súp lơ trắng	<i>Brassica oleracea</i>	x	
113.	Súp lơ trắng	<i>Brassica oleracea var. capitata</i>	x	
114.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea</i>	x	
115.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea botrytis</i>	x	
116.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea botrytis cymosa</i>	x	
117.	Thì là	<i>Anethum graveolens</i>	x	
118.	Thì là	<i>Cuminum cyminum</i>	x	
119.	Thuốc lá	<i>Nicotiana tabacum</i>	x	
120.	Tía tô	<i>Perrilla frutescens</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
121.	Tỏi tây	<i>Allium porrum</i>	x	
122.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i>	x	
123.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i> var. <i>capitata</i>	x	
124.	Xà lách xoong	<i>Nasturtium officinale</i>	x	

1.2. Củ giống

Stt	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i>	x	

2. Củ tươi

Stt	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i>	x	